

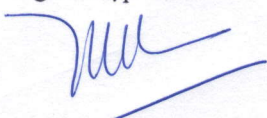
THÔNG BÁO CÔNG KHAI THU - CHI TÀI CHÍNH

Tháng 3/2023

ĐVT: đồng

Số thứ tự	DIỄN GIẢI	Số dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Tiền mặt	Tiền gửi	Thu	Chi	Tiền mặt	Tiền gửi
I	TIỀN GỬI KHO BẠC:		597.474.697	47.680.000	5.837.980	-	639.316.717
1	Học phí		153.717.413	47.680.000	1.157.980		200.239.433
2	Học phí cấp bù		±				-
3	Học phẩm		10.222.110				10.222.110
4	Nhân viên nuôi dưỡng		12.185.400		4.680.000		7.505.400
5	Nguồn CCTL, từ thu SN		-				-
6	Nguồn CCTL, từ HP & HPCB		80.792.491				80.792.491
7	Trang thiết bị vd bán trú		36.096.217				36.096.217
8	Quỹ phát triển hđ SN		124.823.083				124.823.083
9	Quỹ khen thưởng		43.765.016				43.765.016
10	Quỹ phúc lợi		135.872.967				135.872.967
II	TIỀN GỬI NGÂN HÀNG:		706.891.115	433.686.011	340.063.714	-	800.513.412
1	Tiền học các lớp năng khiếu		75.151.607	61.240.000	45.104.000		91.287.607
2	Chăm sóc sức khoẻ ban đầu		2.685.950				2.685.950
3	Tiền ăn bán trú		176.092.019	181.290.000	153.876.600		203.505.419
4	Vệ sinh bán trú		9.654.658	5.820.000	4.948.900		10.525.758
5	Tiền ăn sáng		96.788.315	62.360.000	50.437.035		108.711.280
6	Phục vụ ăn sáng		24.331.921	43.650.000	31.037.000		36.944.921
7	Học phẩm		56.886.920	220.000	14.194.679		42.912.241
8	Phục vụ bán trú		77.630.039	78.770.000	38.964.000		117.436.039
9	Nhân viên nuôi dưỡng		18.553.800				18.553.800
0	Trang thiết bị vd bán trú		10.441.900	200.000	1.501.500		9.140.400
11	Nguồn CCTL, từ thu SN		76.000.000				76.000.000
12	Quỹ phát triển hđ SN		1.500.000				1.500.000
13	Quỹ phúc lợi		77.800.000				77.800.000
14	Lãi tài khoản kinh phí HĐ		1.510.222	95.789			1.606.011
15	Tẩy giun		405.000				405.000
16	Lãi tài khoản chuyển thẻ ATM		464.173	359			464.532
17	Lãi tài khoản chuyên thu		994.591	39.863			1.034.454
	Tổng cộng		1.606.685.360	481.366.011	345.901.694	-	1.439.830.129

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết Mai

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kim Phúc